TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-6-2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm 1996;

Cư trú tại: Tổ 08, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Công H, sinh năm 1991;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 08, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh N;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Công H tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, đến ngày 10/12/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu và đánh đập chị nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H không đến thăm nom con chung và tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay

chị và anh H không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và chị cũng không còn tình cảm với anh H, nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Hồng V, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chính quyền địa phương nơi anh Trần Công H cư trú xác định: Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, huyện T, tỉnh N, tuy nhiên hiện nay anh H đã chuyển về sinh sống cùng gia đình tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh N. Tại biên bản lấy lời khai của ông Trần Thanh T (cha ruột anh H) xác nhận anh H sinh sống cùng ông và gia đình, nhưng thường xuyên đi làm xa vắng mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương và hàng xóm gần nơi chị N, anh H sinh sống cho biết trong thời gian chung sống với nhau, chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường uống rượu và đánh đập chị N nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Kim N vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

Anh Trần Công H đã dược Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Kim N đối với anh Trần Công H.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Hồng V, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Bùi Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Trần Công H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Bùi Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Kim N là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt; anh Trần Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Công H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh N vào ngày 10/12/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 0022/2016. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Kim N đối với anh Trần Công H, thấy rằng: Chị N cho rằng trong thời gian chung sống với nhau, anh H thường xuyên uống rượu và đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn giữa chị N và anh H kéo dài từ năm 2017 cho đến nay, lời trình bày của chị N phù hợp kết quả xác minh tại địa phương. Xét thấy, anh H đã có hành vi bạo lực gia đình đối với chị N và trong thời gian chị N, anh H sống ly thân, anh H cũng không có thiện chí gặp gỡ chị N để cùng giải quyết mâu thuẫn giữa hai người. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Công H có 01 con chung tên Trần Thị Hồng V, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu V, xét yêu cầu của chị N thấy rằng: Từ khi chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh H đến nay, anh H không tới lui thăm nom con. Ngoài ra, qua xác minh thu thập chứng cứ cho thấy anh H thường uống rượu, không quan tâm chăm sóc con cái và có hành vi bạo lực gia đình. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu V, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy cần giao cháu V cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Kim N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Công H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Hồng V, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2015 cho chị Bùi Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Trần Công H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Bùi Thị Kim N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Bùi Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006009 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kim N, anh Trần Công H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy